

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo thống kê của cuộc điều tra dân số và nhà ở của Việt Nam được tiến hành vào năm 2009, nước ta có khoảng 1.329.000 trẻ khuyết tật, ước chiếm khoảng 1,55% tổng dân số và 4,43% dân số trong cùng độ tuổi [1]. Trong đó trẻ khiếm thị (TKT) chiếm tỷ lệ 13,7% tổng số trẻ khuyết tật. Chăm sóc và bảo vệ trẻ khuyết tật nói chung, TKT nói riêng luôn được Đảng và nhà nước ta quan tâm đặc biệt.

Hiện nay GDHN đang được triển khai thực hiện trên toàn Việt Nam, số lượng trẻ khuyết tật đi học đã tăng lên đáng kể, đặc biệt hầu như 100% trẻ khiếm thị đã được đi học hoặc được tiếp cận giáo dục. Tuy nhiên chất lượng giáo dục và số lượng trẻ khuyết tật bỏ học hoặc không hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc còn là vấn đề rất đáng quan tâm.

Bên cạnh đó, khả năng đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng GDHN HSKT của các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế cả về nguồn nhân lực, nhận thức, chương trình giáo dục, phương pháp, môi trường giáo dục,...

Đến nay, chỉ mới có một số ít công trình nghiên cứu có liên quan đến vấn đề giáo dục hòa nhập nói chung, quản lý giáo dục hòa nhập HSKT nói riêng. Vì vậy, đề tài **“Quản lý giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thị tại trường tiểu học Hà Nội”** được lựa chọn làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên nghiên cứu cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị, đề tài đề xuất các giải pháp quản lý giáo dục

hòa nhập học sinh khiếm thị tiểu học Hà Nội nhằm thực hiện chủ trương đảm bảo sự bình đẳng về giáo dục cho tất cả mọi người, đáp ứng nhu cầu và vì lợi ích tốt nhất của trẻ KT, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục nói chung.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lí luận về GDHN, GDHN học sinh khiếm thị và quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị.

+ Nghiên cứu thực trạng giáo dục học sinh khiếm thị học hòa nhập, thực trạng quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị Tiểu học Hà Nội;

- Đề xuất các giải pháp quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị tiểu học Hà Nội; thực nghiệm và khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đề xuất.

4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị Tiểu học.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Các hoạt động quản lý giáo dục hòa nhập cho HSKT Tiểu học.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu lý luận về lý thuyết về giáo dục, giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị, quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị Tiểu học;

- Nghiên cứu thực trạng quản lý giáo dục học sinh khiếm thị tại một số trường có học sinh khiếm thị học hòa nhập trên địa bàn quận Hai Bà Trưng, Hà Đông và một số huyện (thuộc Hà Tây cũ) TP.Hà Nội;

6. Giả thuyết khoa học

Quản lý giáo dục hòa nhập nhằm nâng cao chất lượng cho học sinh khiếm thị trong trường Tiểu học là một xu thế tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, và đảm bảo sự công bằng trong xã hội, tuy nhiên thực tế cho thấy, chất lượng giáo dục học sinh khiếm thị còn rất nhiều hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế là nhận thức về chất lượng giáo dục hòa nhập chưa đầy đủ, đội ngũ quản lý nhà trường chưa hiểu được bản chất cũng như nội dung quản lý cũng những những yếu tố tác động đến chất lượng giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị, vì vậy nếu đề xuất được các giải pháp đối quản lý chất lượng giáo dục hòa nhập phù hợp sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho HSKT trong lớp hòa nhập cấp Tiểu học đáp ứng yêu cầu quyền được hưởng một nền giáo dục có chất lượng và công bằng xã hội.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn, như: Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, Phương pháp phỏng vấn sâu

7.3. Các phương pháp bổ trợ khác: Phương pháp nghiên cứu “sản phẩm” đầu ra, Phương pháp thăm dò ý kiến.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHIẾM THỊ TIỂU HỌC

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Các nghiên cứu về Giáo dục hòa nhập

Nhiều công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã kết luận rằng những học sinh có nhu cầu đặc biệt được giáo dục trong các trường học phổ thông học tập các kiến thức và kỹ năng xã hội tốt hơn so với các học sinh tương tự học trong các trường học không hòa nhập.

Hiện nay khái niệm GDHN đang được sử dụng phổ biến ở Việt Nam đó là phương thức giáo dục cho trẻ khuyết tật/trẻ có nhu cầu đặc biệt cùng học với những trẻ em khác, trong trường phổ thông ngay tại nơi trẻ sinh sống.

1.1.2. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập

Nghiên cứu về quản lý giáo dục hòa nhập nói chung và HSKT nói riêng cũng đã được nghiên cứu nhiều trên thế giới và Việt Nam. Nhìn chung các nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật, học sinh khiếm thị đều chỉ ra:

(i) Thực hiện quản lý GDHN TKT, trẻ KT được dựa trên các nguyên tắc về việc thực hiện Quyền của người khuyết tật được quy định trong các văn bản pháp quy quốc tế (Việt Nam cam kết) và của Việt Nam.

(ii) Quản lý hoạt động GDHN TKT được hiểu rộng hơn, bao gồm sự tham gia và cam kết trách nhiệm của nhiều bên liên quan, với các dịch vụ hỗ trợ khác nhau giúp sự tiếp cận của TKT, đồng thời với các phương tiện trợ giúp cho các em.

(iii) Quản lý hoạt động GDHN trẻ khiếm thị đảm bảo phù hợp với môi trường GDHN, đối tượng cụ thể là TKT và điều kiện đảm bảo cho thực hiện GDHN.

Như vậy, trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu

về giáo dục hòa nhập, GDHN học sinh khiếm thị, tuy nhiên chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể về quản lý hoạt động dành cho học sinh khiếm thị cấp tiểu học, đặc biệt là những biện pháp quản lý GDHN học sinh khiếm thị cấp tiểu học cụ thể phù hợp với bối cảnh, điều kiện văn hóa, xã hội và cơ sở vật chất của các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đó cũng chính là định hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài.

1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Học sinh (trẻ) khiếm thị cấp tiểu học

Có rất nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau về khái niệm khiếm thị, khuyết tật thị giác cũng như trẻ em khiếm thị hay trẻ em khuyết tật thị giác. Trong phạm vi nghiên cứu này, Khái niệm "khiếm thị" được hiểu là: "một trẻ em (theo tiếp cận của tổ chức WHO) là trẻ trong độ tuổi tiểu học có khuyết tật về thị giác, sau khi đã có các phương tiện trợ giúp vẫn gặp khó khăn trong các hoạt động học tập và sinh hoạt cần sử dụng mắt".

1.2.2. Giáo dục hoà nhập

Có nhiều định nghĩa khác nhau về Giáo dục hòa nhập, trong phạm vi đề tài này, khái niệm giáo dục đặc hiệu là: "*Hỗ trợ mọi học sinh, trong đó có trẻ khuyết tật, cơ hội bình đẳng tiếp nhận dịch vụ giáo dục với những hỗ trợ cần thiết trong lớp học phù hợp tại trường phổ thông nơi trẻ sinh sống nhằm chuẩn bị trở thành những thành viên đầy đủ của xã hội; trẻ khuyết tật được giáo dục trong môi trường giáo dục phổ thông theo chương trình chung được điều chỉnh, bảo đảm điều kiện cần thiết để phát triển đến mức cao nhất khả năng của trẻ*"

1.2.3. Quản lý giáo dục, quản lý giáo dục hòa nhập

Quản lý giáo dục hòa nhập là "*Quản lý giáo dục hòa nhập chính là sự tác động có kế hoạch, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý dựa theo những yêu cầu có tính chất khách quan về lý luận và thực tiễn giáo dục hoà nhập nhằm đạt được các mục tiêu quản lý đã đề ra*".

Như vậy, quản lý giáo dục hoà nhập được coi là một nhiệm vụ được lồng ghép phối hợp chung trong hoạt động quản lý giáo dục nói chung

và quản lý nhà trường nói riêng, mang tính tổng thể quản lý giáo dục.

1.3. Giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị

1.3.1. Mục tiêu của giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị

Mục tiêu: Đảm bảo cho trẻ khuyết tật hưởng những quyền giáo dục cơ bản, quyền tự do không tách biệt, tham gia vào mọi hoạt động xã hội và có cơ hội công hiến.

1.3.2. Bản chất của giáo dục hoà nhập

- HSKT được học ở trường thuộc khu vực sinh sống.
- HSKT, với tỷ lệ hợp lí, được bố trí vào lớp học phù hợp lứa tuổi.
- Cung cấp các dịch vụ và giúp đỡ HS ngay trong trường hoà nhập.
- Mọi học sinh đều là thành viên của tập thể. Bạn bè cùng lứa giúp đỡ lẫn nhau.

- Điều chỉnh chương trình phổ thông cho phù hợp với năng lực nhận thức của học sinh. Phương pháp dạy học đa dạng dựa vào điểm mạnh của học sinh. Học sinh với những khả năng khác nhau được học theo nhóm.

Chú trọng cả lĩnh hội tri thức và kĩ năng xã hội.¹

1.3.3. Một số hoạt động chính trong giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị cấp tiểu học

Tìm hiểu nhu cầu và năng lực của trẻ khuyết tật - đánh giá đầu vào của học sinh khiếm thị; Lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khiếm thị, Thực hiện kế hoạch giáo dục, Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập, Thiết kế và tiến hành bài học hoà nhập có hiệu quả,

1.4. Nội dung cơ bản quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị

Nguyên tắc: Vì những lợi ích tốt nhất của trẻ, Tôn trọng sự khác biệt, Dựa vào nhà trường, Dựa vào cộng đồng.

1.4.1. Xây dựng Mục tiêu, kế hoạch quản lý giáo dục hòa nhập

Xây dựng Mục tiêu kế hoạch là nội dung QL quan trọng hàng đầu trong quá trình QL. Nó đảm bảo cho hoạt động QL đi đúng hướng và có

¹ Porter (1995) Giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt

hiệu quả. Theo đó xây dựng mục tiêu, kế hoạch hoạt động của nhà trường giúp cho công tác quản lý GDHN trẻ KT đúng hướng, góp phần thực hiện mục tiêu chung của trường tiểu học hòa nhập. Quá trình này bao gồm:

1.4.2. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị cấp tiểu học

Bao gồm các nội dung sau: Tổ chức, chỉ đạo thực hiện đánh giá khả năng, nhu cầu và sở thích của trẻ khiếm thị; Tổ chức và chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khiếm thị; Tổ chức phát triển đội ngũ giáo viên và chuyên môn cho giáo viên dạy học học sinh khiếm thị; Quản lý môi trường giáo dục TKT phù hợp và cơ sở vật chất GDHN.

1.4.3. Kiểm tra, đánh giá và giám sát hoạt động GDHN

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị

Các yếu tố về chính sách và cơ chế chính sách; Các yếu tố về nguồn nhân lực; Các yếu tố về cơ sở vật chất;

Kết luận chương 1

Giáo dục hòa nhập có được thực hiện có hiệu quả hay không yếu tố quyết định là vai trò của quản lý.

Quản lý giáo dục hòa nhập không nằm ngoài công tác quản lý giáo dục chung. Quản lý giáo dục hoà nhập trong trường tiểu học, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá việc thực hiện các nội dung giáo dục hoà nhập cụ thể như: Đánh giá khả năng nhu cầu của học sinh khiếm thị, xây dựng KHGDHN cho học sinh khiếm thị, thiết kế và thực hiện bài học có hiệu quả; bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên và quản lý công tác kiểm tra, đánh giá, môi trường và cơ sở vật chất cho GDHN.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHIÊM THỊ CẤP TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Khái quát về các đơn vị nghiên cứu thực trạng

2.1.1. Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội

Trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội được thành lập năm 1982, trường trực thuộc Sở GD&ĐT thành phố Hà Nội.

Mô hình trường Nguyễn Đình Chiểu được đánh giá là mô hình rất linh hoạt và có hiệu quả không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước trên thế giới.

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Trường có 86 CBGV, CNV là nòng cốt, có kinh nghiệm chăm sóc giáo dục trong nhà trường. Ban giám hiệu tâm huyết với nghề, sáng tạo, linh hoạt, chủ động, dám chịu trách nhiệm trước việc làm của mình được CBGV, CNV, nhân dân và lãnh đạo cấp trên tin nhiệm.

Về nghiệp vụ chuyên môn về giáo dục học sinh khiếm thị vẫn còn những hạn chế nhất định. Bảng thống kê số lượng và cơ cấu GV, CBQL cho thấy trong tổng số 86 CBGV chỉ có 01 đào tạo chính quy về giáo dục TKT và có 52 người có chứng chỉ về nghiệp vụ giáo dục trẻ khuyết tật.

b. Về công tác giáo dục học sinh khiếm thị cấp tiểu học

- Số lượng học sinh khiếm thị

Năm học	Tổng số HSKT	Mù hoàn toàn	Mù thực tế	Nhìn quá kém	Nhìn kém
2015-2016	201	118		5	78
2016-2017	199	110		4	85
2017-2018	176	117		4	55

- Kết quả giáo dục năm học 2017 – 2018 của học sinh khiếm thị toàn trường

+ Học sinh hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ học tập và rèn luyện:
7 em (6,6%)

+ Học sinh có thành tích vượt trội về học tập và rèn luyện: 88 em (83,1%)

+ Học sinh chưa đạt, cần rèn luyện trong hè: 11 (10,3%)

2.1.2. Các trường khác tham gia nghiên cứu

Ngoài trường phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu, luận văn còn khảo sát tại các trường: Trường Tiểu học Thị trấn Văn Điển A - Ngọc Hồi - Thường Tín - Hà Nội; Trường Tiểu học Trần Phú - phường Mỗ Lao - Hà Đông; Trường Tiểu học Phú Cường - Sóc Sơn; Trường Tiểu học thị trấn Sóc Sơn - huyện Sóc Sơn (thông tin chi tiết xem phần phụ lục).

2.2. Giới thiệu quá trình nghiên cứu thực trạng

Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng giáo dục học sinh khiếm thị học hòa nhập và quản lý hoạt động giáo dục học sinh khiếm thị học hòa nhập trong trường tiểu học ở thành phố Hà Nội.

Chọn mẫu khảo sát: Trường phổ thông cơ sở Nguyễn Đình Chiểu, Trường Tiểu học Thị trấn Văn Điển A - Ngọc Hồi - Thường Tín - Hà Nội; Trường Tiểu học Trần Phú - phường Mỗ Lao - Hà Đông; Trường Tiểu học Phú Cường - Sóc Sơn; Trường Tiểu học thị trấn Sóc Sơn - huyện Sóc Sơn. Khách thể nghiên cứu, gồm: Ban giám hiệu của tất cả các trường trên (14 người), giáo viên: tất cả giáo viên dạy cấp tiểu học của trường Nguyễn Đình Chiểu, các trường còn lại mỗi trường 4 giáo viên, gồm Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên đứng lớp các môn chính và giáo viên phụ trách đoàn đội; Phụ huynh học sinh khiếm thị được chọn ngẫu nhiên tham gia tọa đàm và phỏng vấn.

2.3. Kết quả Khảo sát thực trạng

2.3.1. Kết quả nghiên cứu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục học sinh khiếm thị học hòa nhập cấp tiểu học

Trình độ đào tạo theo chuẩn và bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục học sinh khiếm thị học hòa nhập: Kết quả cho thấy 100% cán bộ quản lý và giáo viên tham gia thực hiện đã đạt chuẩn và vượt chuẩn của Bộ GD&ĐT, không còn cán bộ giáo viên nào ở trình độ cao đẳng. Trong số 24 cán bộ quản lý có tới 19 người và 9 giáo viên có trình độ thạc sĩ.

Kết quả nghiên cứu về việc đào tạo, bồi dưỡng về giáo dục học sinh khiếm thị cho thấy: Đào tạo chính qui: có 1 giáo viên, có 62 giáo viên được tập huấn hoặc có chứng nhận về bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục hòa nhập, trong đó riêng trường Nguyễn Đình Chiểu có tới 56 người. Còn 40 giáo viên còn lại chưa được tập huấn.

Trình độ đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục hòa nhập và giáo dục học sinh khiếm thị của cán bộ quản lý giáo dục

Trong số 24 cán bộ quản lý được hỏi cho thấy 100% CBQL có trình độ đại học, trong đó có 15 người có học vị thạc sỹ.

Kết quả nghiên cứu về Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về nhu cầu, khả năng học tập và phát triển của học sinh khiếm thị

Kết quả điều tra cho thấy không có giáo viên và cán bộ quản lý nào cho rằng trẻ khiếm thị không cần giáo dục. Có 25% giáo viên và 23% cán bộ quản lý cho rằng với học sinh khiếm chỉ nên tập trung vào việc giáo dục một số nội dung cơ bản hoặc những nội dung cần thiết với mỗi cá nhân trẻ. Phần lớn giáo viên và cán bộ quản lý còn lại đều cho rằng việc giáo dục cho học sinh khiếm thị là cần thiết và rất cần thiết.

2.3.2. Thực trạng về quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị cấp tiểu học

a) Về việc xây dựng mục, kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục

Kết quả khảo sát việc quản lý mục tiêu GDHN học sinh khiếm thị cho thấy: việc quản lý mục tiêu về nhận thức và tổ chức giáo dục cho học sinh khiếm thị trong các trường hòa nhập đã được thực hiện tương đối tốt, học sinh đã được đối xử bình đẳng, được tham gia nhiều hoạt động trong và ngoài lớp học, được hỗ trợ thường xuyên trong học tập và trong sinh hoạt. Ở các mục tiêu về quản lý chuyên môn thì còn nhiều ý kiến cho rằng chưa đạt được kết quả như mong muốn và nguyên nhân là cán bộ quản lý và đặc biệt là giáo viên chưa có đủ kiến thức, phương pháp và kỹ năng dạy học hòa nhập học sinh khiếm thị.

b) Tổ chức và chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khiếm thị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có trường Nguyễn Đình Chiểu có

vai trò của quản lý trong việc xây dựng và thực hiện bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khiếm thị, các trường khác chưa quan tâm đến biện pháp quản lý này.

c) Tổ chức và chỉ đạo phát triển kỹ năng đặc thù và thiết bị dạy học đặc thù

Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nội dung giáo dục đặc thù

Bảng 2.1. Bảng hỏi giáo viên về thực hiện các nội dung giáo dục đặc thù

TT	Môn học/ nội dung môn học	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt	Không học
1	Kỹ năng đọc, viết chữ nổi Braille	17	52	7	26
2	Kỹ năng định hướng di chuyển	37	40	21	4
3	Kỹ năng giao tiếp	46	52	4	0
4	Kỹ năng tự phục vụ	49	37	16	0

Kết quả khảo sát nội dung giáo dục đặc thù trong trường tiểu học hòa nhập đã cho thấy sự khác biệt rất lớn so với thực hiện giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

d) Tổ chức phát triển đội ngũ giáo viên và phát triển chuyên môn cho giáo viên dạy học học sinh khiếm thị

Bảng 2.9. Kiến thức chuyên môn của giáo viên trong GDHN học sinh khiếm thị

TT	Nội dung	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt	Biết rất ít
1.	Những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập	19	33	52	22
2.	Những kiến thức chung về học sinh khiếm thị	11	45	51	19
3.	Những kiến thức chung về giáo dục HSKT	18	41	54	11
4.	Kiến thức về xây dựng và thực hiện bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khiếm thị	25	56	23	22
5.	Kiến thức về hỗ trợ cá biệt cho HSKT	28	32	47	15
6.	Kiến thức về điều chỉnh các hoạt động cho HSKT	31	41	29	23

Kết quả khảo sát trên cho thấy, phần lớn cán bộ quản lý và giáo viên đã có những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập, điều này cũng được minh chứng bằng kết quả nhận thức của họ về khả năng, nhu cầu học tập của học sinh khiếm thị, cũng như việc đối xử bình đẳng trong trường có học sinh khiếm thị học hòa nhập.

Với kết quả khảo sát trên cho thấy vấn đề quản lý chuyên môn, bồi dưỡng kiến thức về học sinh khiếm thị và giáo dục học sinh khiếm thị cũng cần được đặc biệt quan tâm.

f) Thực trạng kiểm tra, đánh giá và giám sát hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị

Hầu hết giáo viên đã theo qui định chung như trẻ bình thường; và số còn lại đánh giá theo năng lực của trẻ theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Khi được hỏi về chỉ đạo của Phòng và trường về công tác đánh giá kết quả giáo dục thì câu trả lời là không có chỉ đạo riêng cho hoạt động trên. Những số liệu trên cho thấy: Nhu cầu cần được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên là rất lớn so với số TKT đang đi học:

Nội dung những khó khăn giáo viên gặp phải trong công tác giáo dục HSKT cũng có kết quả tương tự như của cán bộ quản lý, được thống kê khá đầy đủ, như: thiếu kiến thức cơ bản về HSKT, thiếu phương pháp và kỹ năng đặc thù, thiếu tài liệu, thiếu các thiết bị dạy học và hỗ trợ... Riêng đối với giáo viên còn liệt kê thêm khó khăn về thời gian chuẩn bị bài dạy, thời gian tự làm đồ dùng học tập, thời gian cho các khóa tập huấn và một số khó khăn khác về chuyên môn chung.

g) Quản lý môi trường giáo dục học sinh khiếm thị học hòa nhập
- Quản lý môi trường tâm lý trong nhà trường

Kết quả khảo sát về việc quản lý môi trường tâm lý trong nhà trường, kết quả thu được là rất khả quan. Phần lớn cán bộ quản lý và giáo viên đều cho rằng đã xây dựng được môi trường tâm lý tốt cho học sinh khuyết tật nói chung, học sinh khiếm thị nói riêng. Trong tất cả các nhà trường đều không có sự kỳ thị hoặc phân biệt đối xử, giáo viên đều

tự nguyện nhận học sinh vào lớp, tạo điều kiện cho các em được tham gia vào tất cả các hoạt động trên và ngoài giờ lên lớp.

Kết quả nghiên cứu công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác quản lý GDHN nói chung, GDHN học sinh khiếm thị nói riêng hoàn toàn tương đồng với thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị cho học sinh khiếm thị hiện có trong nhà trường. *Quản lý học sinh khiếm thị*

Về công tác quản lý học sinh khiếm thị trên địa bàn dân cư đã thu được kết quả rất khả quan. Với nội dung Huy động học sinh khiếm thị trên địa bàn trường quản lý thì 100% ý kiến cho rằng đã huy động được tất cả học sinh khiếm thị trong độ tuổi tiểu học đến trường. Chỉ còn một số ít đã bỏ học vì đa tật hoặc quá tuổi tiểu học là không đi học.

Với nội dung Tỷ lệ học sinh khiếm thị bỏ học cũng thu được kết quả rất tốt là Không có học sinh bỏ học.

Kết luận chương 2

- Hầu hết các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội đều đang có học sinh khiếm thị học hòa nhập. Tuy nhiên phần lớn là học sinh khiếm thị ở mức độ nhẹ. Học sinh mù và học sinh nhìn ở mức độ rất kém tập trung tại trường Nguyễn Đình Chiểu Hà Nội.

- Phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên nhận thức đúng về nhu cầu và khả năng học tập và phát triển của học sinh khiếm thị. Về công tác lập kế hoạch và chỉ đạo chuyên môn giáo dục hòa nhập đã được thực hiện, tuy nhiên cán bộ quản lý còn thụ động, phụ thuộc vào kế hoạch của các cấp trên.

- Các điều kiện về thiết bị dạy học và cơ sở vật chất của tất cả các trường đều chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà trường và của chính học sinh khiếm thị.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP
HỌC SINH KHIẾM THỊ TIỂU HỌC HÀ NỘI

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

- *Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu*
- *Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý*
- *Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp và đặc thù*
- *Nguyên tắc đảm bảo tiếp cận dựa trên Quyền trẻ em*

3.2. Các biện pháp quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị trong trường tiểu học ở Hà Nội

3.2.1. Nâng cao nhận thức, tinh thần bảo đảm nguyên tắc và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên và cộng đồng về giáo dục và quản lý giáo dục học sinh khiếm thị trong trường tiểu học hòa nhập

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Làm cho mọi người trong cộng đồng xã hội đặc biệt là CBQL giáo dục, GV nhận thức đúng về nhu cầu và khả năng của học sinh khiếm thị; CBQLGD, GV và cộng đồng tin tưởng về tính ưu việt và khả thi của GDHN HS khiếm thị trong trường phổ thông nói chung và trường tiểu học nói riêng.

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp

Nội dung truyền truyền giáo dục tập trung vào các chủ trương và chính sách lớn của nhà nước, các ngành đối với người KT nói chung. Gần đây nhất là Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018-2020 và Thông tư số 03/2018/TT – BGDĐT ngày 28/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định thực hiện giáo dục hòa nhập trong trường Công lập

Những nội dung về những kiến thức cơ bản nhất nhằm phòng ngừa và giảm thiểu các nguyên nhân gây khuyết tật và can thiệp kịp thời, phục hồi chức năng sớm nhằm tránh những khuyết tật thứ sinh cho học sinh

khuyết tật, tạo điều kiện, cơ hội cho các em được học tập và phát triển...

3.2.1.3. Cách thực hiện biện pháp

Hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục cần được thực hiện linh hoạt và phong phú, trong đó đặc biệt chú ý đến việc sử dụng hệ thống truyền thanh truyền hình được xây dựng và đồng bộ rộng khắp từ quận đến phường và gia đình. Về cách thức tổ chức và thực hiện GDHN trong trường tiểu học phối hợp chặt chẽ với các lực lượng cộng đồng, xã hội như nhóm HTCD, vòng bạn bè hỗ trợ cho GDHN.

3.2.1.4. Các điều kiện thực hiện biện pháp

- GDHNHS khiếm thị nói riêng, giáo dục HS có nhu cầu đặc biệt nói chung phải được quán triệt trong nghị quyết của Đảng và chính quyền các cấp.

- Các tổ chức truyền thông có vai trò đặc biệt quan trọng và có trách nhiệm tham gia và thực hiện các nhiệm vụ phổ biến các chủ trương, chính sách của đảng và các văn bản qui phạm pháp luật về việc thực hiện GDHN của các cơ quan chức năng các cấp.

3.2.2. Xây dựng mục tiêu và kế hoạch quản lý giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị

3.2.2.1. Mục tiêu: HS khiếm thị học hòa nhập phải được đối xử bình đẳng, được tham gia tất cả các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp; HS khiếm thị phải được học tất cả các nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông và được điều chỉnh mục tiêu giáo dục cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của mỗi cá nhân học sinh.

3.2.2.2. Nội dung

Xây dựng “Vòng tay bạn bè” cùng học cùng chơi với HS khiếm thị.

Chỉ đạo và định hướng cho tất cả GV trong trường phải tìm hiểu nhu cầu và khả năng của tất cả HSKT trong trường, trên cơ sở nhu cầu, khả năng của các em GV phải điều chỉnh mục tiêu và nội dung giáo dục phù hợp với các em.

Kế hoạch quản lý giáo dục hòa nhập HSKT là một phần của kế hoạch chung của nhà trường, trong đó cần chỉ rõ những mục tiêu, nội

dung phải thực thực, có sự phân công phân nhiệm cụ thể. Bản kế hoạch phải đảm bảo chi tiết và có tính khả thi.

3.2.2.3 Cách thực hiện biện pháp

- Thực hiện việc tuyên truyền và nhắc nhở HS trong trường về việc đối xử bình đẳng cũng như quan tâm giúp đỡ bạn trong tất cả các buổi sinh hoạt đầu tuần trong toàn trường;

- Chỉ đạo GV chủ nhiệm lớp, GV phụ trách kết hợp với gia đình xây dựng vòng bạn bè cho mỗi HS khiếm thị.

- Lập kế hoạch hướng dẫn và kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều chỉnh mục tiêu, nội dung phương pháp GDHNHS khiếm thị định kỳ và thường xuyên.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện

- Xây dựng kế hoạch quản lý GDHN ngay từ đầu năm học;

- Lập kế hoạch và giao nhiệm vụ cụ thể cho việc xây dựng vòng bạn bè, xây dựng kế hoạch hoạt động của vòng bạn bè, xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát các hoạt động theo định kì và thường xuyên;

3.2.3. Quản lý việc xây dựng và thực hiện bản kế hoạch giáo dục học sinh khiếm thị theo tinh thần hướng đến cá nhân trong một môi trường nhân ái lành mạnh

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp: Xây dựng được một bản kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nói chung, học sinh khiếm thị nói riêng song song với bản kế hoạch quản lý chung của nhà trường; đồng thời hướng đến việc 100% HS khiếm thị trong hệ thống nhà trường thành phố phải được xây dựng KHGDHCN do gia đình, nhà trường cùng các lực lượng cộng đồng xây dựng.

3.2.3.2. Nội dung biện pháp

Bản kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị của năm học đảm bảo tính thiết thực và khả thi.

Song song với kế hoạch chung của nhà trường, mỗi học sinh khiếm thị cần được xây dựng một bản kế hoạch giáo dục hướng đến cá nhân.

3.2.3.3. *Cách thức thực hiện*

- Nắm vững các thông tin về học sinh khiếm thị: số lượng, mức độ khiếm thị, khả năng nhu cầu và nguyện vọng của gia đình học sinh;
- Nắm vững chuyên môn về giáo dục hòa nhập nói chung, giáo dục HSKT nói riêng của đội ngũ giáo viên trong trường;
- Nắm vững danh mục thiết bị, phương tiện dạy học và hỗ trợ đặc thù cho học sinh khiếm thị hiện có trong trường...
- Nắm vững qui trình xây dựng bản kế hoạch giáo dục cá nhân

3.2.3.4. *Các điều kiện thực hiện*

- Nhóm hỗ trợ cộng đồng phải được thành lập, trong đó phải có sự tham gia của đại diện chính quyền địa phương, đại diện của Ban giám hiệu nhà trường, GV chủ nhiệm lớp và đại diện của các ban ngành khác.
- Các thành viên tham gia phải có lòng nhiệt tình và cam kết thực hiện kế hoạch đã được xây dựng.
- Đại diện của chính quyền địa phương và nhà trường phải có kế hoạch theo dõi, giám sát và hỗ trợ thường xuyên.
- Có kế hoạch đánh giá, xây dựng bổ sung và điều chỉnh kế hoạch tổng thể theo từng giai đoạn.

3.2.4. *Phát triển nhân lực và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên trong giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị*

3.2.4.1. *Mục tiêu:* Xây dựng và phát triển đội ngũ CBQL, GV trực tiếp chỉ đạo và thực hiện GDHN đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng.

3.2.4.2. *Nội dung biện pháp*

Tiếp nhận mới: Tuyển dụng cán bộ, GV mới cần tuân theo nguyên tắc, quy trình và các quy định pháp luật chặt chẽ của ngành và những cơ quan quản lý nhà nước khác.

Đào tạo đội ngũ: Đào tạo nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn thuộc một lĩnh vực.

Bồi dưỡng đội ngũ: Xác định nội dung chuyên môn cần bồi dưỡng; Lựa chọn thời gian, hình thức và địa điểm bồi dưỡng; Lựa chọn đối tượng bồi dưỡng.

3.2.4.3. Cách thực hiện biện pháp

- Lập kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GV thường xuyên và định kỳ đảm bảo về số lượng GV được tham gia, đặc biệt là những GV đang trực tiếp dạy trực tiếp;

- Xây dựng tài liệu bồi dưỡng GV về giáo dục hoà nhập nói chung GDHN HS khiếm thị nói riêng.

- Xây dựng Chương trình, tài liệu bồi dưỡng CBQL các cấp Sở, Phòng và trường, chương trình, tài liệu bồi dưỡng GV cốt cán và chương trình bồi dưỡng nâng cao theo định kỳ.

- Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng kỹ năng đặc thù cho HS khiếm thị, cụ thể như: kỹ năng đọc viết chữ nổi Braille, kỹ năng định hướng di chuyển, kỹ năng tự phục vụ và kỹ năng xã hội...;

- Tổ chức các đợt tham quan, chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý và giáo dục HS khiếm thị trên địa bàn thành phố cũng như các đơn vị bạn thuộc các địa phương khác;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn tự làm và sử dụng thiết bị, phương tiện đặc thù cho HS khiếm thị.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Xây dựng nguồn kinh phí riêng cho việc thực hiện GDHN nói chung, GDHNHS khiếm thị nói riêng từ cấp Sở đến cấp phòng GD&ĐT và cấp trường.

- Các cấp Sở và Phòng GD&ĐT lập kế hoạch cụ thể cho công tác tập huấn bồi dưỡng CBQL giáo dục, GV thường xuyên và định kỳ về các nội dung cụ thể.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và các hình thức khen thưởng kịp thời nhằm động viên, khuyến khích cả thầy và trò trong công tác thực hiện GDHN.

3.2.5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục hòa nhập

3.2.5.1. Mục đích của giải pháp

Theo dõi, kiểm tra, đánh giá giúp cho Hiệu trưởng biết được các cán

bộ, giáo viên, nhân viên của phòng thực hiện các nhiệm vụ như thế nào; biết được những quyết định quản lý có kịp thời, phù hợp hay không. Đánh giá kết quả thực hiện, đưa ra quyết định điều chỉnh phù hợp

3.2.5.2. Nội dung của giải pháp

Xây dựng các tiêu chí đánh giá: Thực hiện kế hoạch; Định mức lao động; Sự tiến bộ của học sinh; Kết quả của công tác tư vấn; Hợp tác với đồng nghiệp; Mối quan hệ với gia đình học sinh và các lực lượng xã hội;

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên tất cả các nội dung hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khiếm thị từ tất cả các khâu, các công đoạn bằng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá linh hoạt, phù hợp với đối tượng và nội dung cụ thể.

Từ kết quả kiểm tra, đánh giá, kịp thời kiểm định lại độ chính xác, hiệu quả của các biện pháp và các kết quả QL; có giải pháp điều chỉnh, khắc phục tồn tại, sai sót, phát huy thế mạnh.

3.2.5.3. Cách thức thực hiện giải pháp

- Bám sát kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra. Từ đầu mỗi chu trình quản lý, thường là đầu năm học, Hiệu trưởng phải chỉ đạo lên kế hoạch cho công tác kiểm tra, đánh giá và đặc biệt coi trọng kiểm tra, đánh giá hoạt động của Phòng hỗ trợ, thống nhất với kế hoạch tổng thể.

- Hiệu trưởng, cùng với Phòng hỗ trợ, các bộ phận, cá nhân có chức năng và khả năng, có kinh nghiệm về công tác kiểm tra, đánh giá, xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, nguyên tắc cụ thể về các mặt hoạt động Phòng phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của nhà trường.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Có mục tiêu và kế hoạch rõ ràng để làm căn cứ cung cấp những chỉ tiêu xác đáng cho việc kiểm tra, đánh giá.

- Xây dựng bộ thước đo phù hợp với điều kiện hoạt động giáo dục hòa nhập và thống nhất với tổng thể của nhà trường.

- Có vị trí việc làm ứng với từng cá nhân để làm căn cứ kiểm tra, đánh giá đúng người, đúng việc.

- Trong điều kiện chưa thể thực hiện kiểm soát chất lượng tổng thể,

việc kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết quả hoạt động cuối cùng vẫn còn những giá trị phù hợp.

- Hoàn thiện chính sách thanh tra, kiểm tra của nhà trường, đảm bảo tính minh bạch, chính xác. Phổ biến rộng rãi trong nhà trường để các thành viên nắm được.

3.2.6. Tổ chức phát triển kỹ năng đặc thù, thiết bị dạy học, cải tạo cơ sở vật nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp: Phát triển kỹ năng đặc thù làm tiền đề cho học sinh khiếm thị tiếp nhận kiến thức các môn học cũng như hòa nhập với đời sống cộng đồng;

3.2.6.2. Nội dung biện pháp

Đối với HSKT có các mức độ mất hoặc suy giảm thị lực khác, các em cần có sự hỗ trợ về kỹ năng đặc thù và các thiết bị, phương tiện giáo dục và dạy học đặc thù khác nhau để có thể tham gia được vào các hoạt động học tập, sinh hoạt của nhà trường, lớp học. Kỹ năng đặc thù và thiết bị này liên quan chặt chẽ tới các mức độ suy giảm thị lực.

3.2.6.3. Cách thực hiện biện pháp

Trong điều kiện Việt Nam còn nghèo, chưa có nguồn kinh phí cung cấp riêng cho giáo dục đặc biệt, các cơ sở sản xuất thiết bị giáo dục cũng chưa có điều kiện để thiết kế và sản xuất riêng cho nhu cầu của các em. Vì vậy, nguồn cung cấp chủ đạo thiết bị này phụ thuộc vào sự hỗ trợ của cộng đồng, phụ thuộc vào sự năng động và sáng tạo của các nhà quản lý giáo dục.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện

- Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng môi trường GDHN thân thiện, trong đó có chỉ đạo về đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và đồ dùng, phương tiện giáo dục và dạy học hòa nhập HSKT.

- Chỉ đạo thực hiện môi trường giáo dục thân thiện của nhà trường theo các quy định chung.

- Chỉ đạo về việc đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và đồ dùng phương tiện giáo dục và dạy học HSKT.

3.2.7. Xây dựng môi trường giáo dục bình đẳng, giảm thiểu đến mức thấp nhất các rào cản đối với học sinh khiếm thị

3.2.7.1. Mục đích của giải pháp: Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực nơi mọi thành viên đều ý thức được công việc, trách nhiệm của mình, ý thức được mục tiêu, kế hoạch và những giá trị mà nhà trường theo đuổi là điều kiện lý tưởng để quản lý tổ chức.

3.2.7.2. Nội dung của giải pháp

- Xây dựng môi trường tâm lý phù hợp với giáo dục HSKT
- Xây dựng cơ sở kiến trúc hạ tầng và thiết bị giáo dục phù hợp với HSKT

3.2.7.3. Cách thức thực hiện giải pháp

- Khuyến khích và động viên giáo viên đang trực tiếp dạy HSKT tự thiết kế và tự làm những thiết bị dạy học;
- Kết hợp chặt chẽ với các lực lượng trong cộng đồng nhằm huy động mọi nguồn tài trợ của các tổ chức, các đoàn thể giúp cho HSKT;
- Chỉ đạo về việc đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và đồ dùng phương tiện giáo dục và dạy học HSKT.

3.2.7.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, không rào cản đối với HSKT; Phải có kế hoạch cụ thể và chi tiết về lộ trình xây dựng môi trường và lôi kéo được các thành viên tham gia trên tinh thần tự giác, tự nguyện.

3.3. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.3.1. Đánh giá mức độ cần thiết của các biện pháp

Kết quả khảo nghiệm cho thấy phần lớn các ý kiến tập trung vào hai mức độ rất cần thiết và cần thiết. Ở các biện pháp khác nhau thì mức độ cũng có khác nhau, điều đó chứng tỏ rằng người được khảo nghiệm đã rất nghiêm túc trong quá trình tìm hiểu các biện pháp và liên hệ với thực tiễn công tác của mình.

3.3.2. Đánh giá mức độ khả thi của các biện pháp

Kết quả nghiên cứu về tính khả thi của các biện pháp cũng như tính cần thiết phần lớn các ý kiến đều tập trung vào hai mức độ rất khả thi và khả thi, ở mức độ ít khả thi chỉ có một số ý kiến, tập trung vào các đối tượng hoặc chưa được tìm hiểu về GDHN hoặc đang làm việc với các đối tượng HS quá khó khăn. Đặc biệt, cả hai nội dung khảo sát (cần và khả thi) thì đều không có ý kiến nào ở mức độ cuối cùng là không cần thiết và không khả thi.

Như vậy, cả 7 biện pháp mà tác giả đưa ra đã được CBQL giáo dục, chuyên gia giáo dục đặc biệt và GV đánh giá cao. Các biện pháp trên là cần thiết và có tính khả thi.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn đề tài đã xây dựng được các nguyên tắc định hướng cho việc xây dựng các biện pháp quản lý GDHN HS khiếm thị cấp tiểu học; đồng thời đề xuất được 07 biện pháp quản lý cụ thể.

Các biện pháp được xây dựng một cách đồng bộ, và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, có sự tác động qua lại. Nếu biện pháp này được thực hiện tốt sẽ có tác động tích cực đến các biện pháp khác và ngược lại.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Mặc dù GDHN đã được triển khai rộng rãi, nhưng do các điều kiện khác nhau về nhân lực và các điều kiện về chất nên chất lượng GDHN còn nhiều hạn chế. Để nâng các chất lượng GDHN cần phải có các giải pháp quản lý đồng bộ, khả thi và phù hợp với các điều kiện hiện có của các cơ sở giáo dục.

Quản lý GDHN HSKT không nằm ngoài công tác quản lý giáo dục chung. Quản lý GDHN có bốn chức năng cơ bản là: Lập kế hoạch quản lý, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá. Nhưng quản lý GDHN đòi hỏi người CBQL phải có những phẩm chất, những kiến thức kĩ năng đặc thù về HS khiếm thị và giáo dục HSKT.

Quá trình quản lý GDHN là việc đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục HSKT, đảm bảo nội dung và phương pháp giáo dục, đảm bảo các nguồn lực và CSVC phục vụ cho giáo dục và đảm bảo công tác kiểm tra đánh giá là động lực thúc đẩy cho GDHN.

Kết quả nghiên cứu khảo nghiệm đã chứng được tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp.

2. Kiến nghị

2.1. Với Sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội

- Thống nhất chỉ đạo, quản lý và giám sát từ cấp sở đến cấp trường về công tác quản lý các hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật nói chung, học sinh khiếm thị nói riêng.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về GD học sinh khuyết tật trong đó có cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên GDHN và nhân viên hỗ trợ GDHN trẻ khuyết tật

- Có văn bản hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục thực hiện thông tư liên tịch số 19/2016 để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục.

2.2. Với các đơn vị cơ sở

- Ưu tiên việc hình thành và tổ chức vận hành các kế hoạch quản lý giáo dục hòa nhập và từng bước nâng cao chất lượng GDTKT tại cơ sở;

- Chủ động lập kế hoạch tiếp nhận trẻ khuyết tật, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng GDTKT, thực hiện các mục tiêu giáo dục thiên niên kỷ mà Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế.

- Tăng cường công tác xã hội hóa GDTKT; Huy động mọi lực lượng xã hội cùng tham gia giám sát và thực hiện giáo dục hoà nhập.